

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 345/GPMT-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2024 của UBND tỉnh Vĩnh Long)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải sinh hoạt.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty TNHH BoHsing, công suất 200m³/ngày.đêm (Theo Giấy phép môi trường số 44/GPMT-UBND ngày 11/01/2024 của UBND tỉnh).

2.2. Vị trí xả nước thải: Nước thải sau bể tự hoại được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty TNHH BoHsing để xử lý.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 54 m³/ngày.đêm (24 giờ).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- *Nước thải sinh hoạt*: Nước thải phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân viên làm việc tại dự án khoảng 54 m³/ngày.đêm (24 giờ) được thu gom, xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn, có ngăn lọc (tại dự án có 8 nhà vệ sinh với 8 bể tự hoại, tổng thể tích các bể tự hoại là 60m³ đã được Công ty TNHH BoHsing xây dựng sẵn tại dự án, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty TNHH BoHsing (công suất 200 m³/ngày.đêm) trước khi thoát ra hệ thống thu gom nước thải của KCN Hòa Phú.

- *Nước thải sản xuất*: phát sinh từ công đoạn phun keo của quy trình sản xuất bông gòn thành phẩm với lượng phát sinh là 0,033 m³/ngày.đêm (24 giờ) được thu gom riêng và lưu trữ trong kho CTNH. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

Tổng lượng nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án khoảng 54 m³/ngày.đêm (24 giờ), sau khi được xử lý sơ bộ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty TNHH BoHsing với công suất 200 m³/ngày.đêm (24 giờ) (Theo Giấy phép môi trường số 44/GPMT-UBND ngày 11/01/2024 của UBND tỉnh). Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty TNHH BoHsing đảm bảo xử lý hết lượng nước thải phát sinh từ dự án. Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt theo thỏa thuận đầu nối với Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Hòa Phú (Công ty Cổ phần Hòa Phú), đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột B- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

Công ty TNHH May mặc Fuhua có trách nhiệm đóng phí thoát nước và xử lý nước thải theo thỏa thuận với Công ty TNHH BoHsing.

1.2. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: không.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của dự án trước dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty TNHH BoHsing, công suất 200 m³/ngày.đêm (24 giờ).

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 345/GPMT-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2024 của UBND tỉnh Vĩnh Long)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải: Khí thải từ máy cắt lazer.

2. Dòng khí thải, vị trí xả bụi, khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải: Tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải. Tọa độ (Hệ tọa độ VN:2000, kinh tuyến trục $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°): X=1125112; Y=547678.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 12.000 m³/giờ (theo công suất của quạt hút).

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Thoát theo ống thoát khí.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, K_p = 1; K_v = 1), cụ thể như sau:

STT	Tên thông số ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, K _p =1, K _v =1)
1	Lưu lượng thải	-	-
2	Bụi tổng	mg/m ³	200
3	CO	mg/m ³	1.000
4	SO ₂	mg/m ³	500
5	NO _x	mg/m ³	850

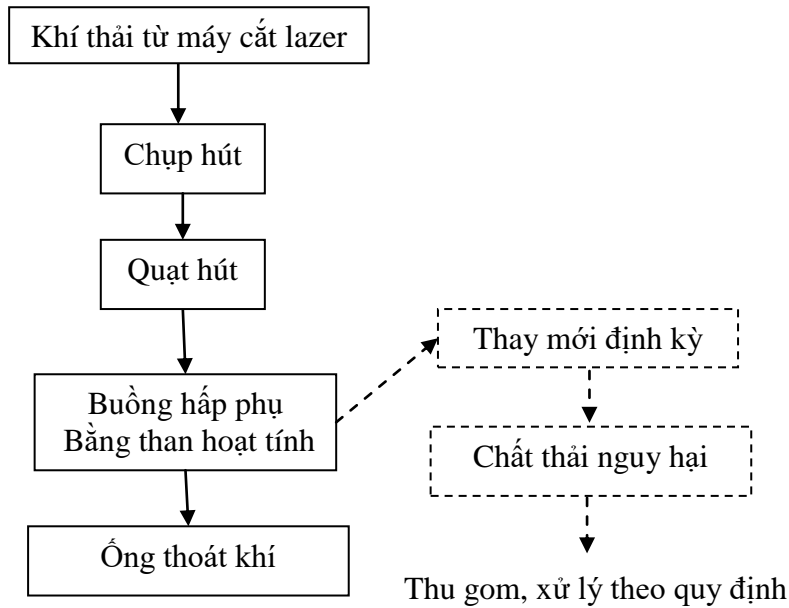
B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

* Công trình xử lý bụi, khí thải từ công đoạn cắt vải (cắt lazer) trong quá trình sản xuất:

Nhà máy chủ yếu sử dụng máy cắt điện để cắt vải, chỉ sử dụng máy cắt lazer cắt các hoa văn nhỏ (có 4 máy cắt lazer), trong quá trình cắt lazer có phát sinh khí thải, do đó chủ dự án đã áp dụng biện pháp xử lý như sau:



Thuyết minh quy trình

Dự án có bố trí 4 máy cắt laser, tại từng máy có bố trí chụp hút khí. Khí thải phát sinh từ các máy cắt laser sẽ được quạt hút vào hệ thống ống dẫn về buồng hấp phụ bằng than hoạt tính (khí thải 4 máy cắt laser được dẫn chung về 1 buồng hấp phụ), tại đây bụi và các thành phần ô nhiễm khác trong khí thải sẽ được than hoạt tính hấp phụ, khí sạch sẽ thoát ra ngoài thông qua 1 ống thoát cao 15m so với nhà xưởng.

Định kỳ 3 tháng công nhân sẽ kiểm tra than hoạt tính và thay mới than hoạt tính khi cần thiết. Than hoạt tính sau khi sử dụng sẽ được thu gom và xử lý theo quy định về chất thải nguy hại.

Ngoài ra, chủ dự án còn áp dụng một số biện pháp sau:

- Trang bị hệ thống thông gió, làm mát và hút bụi hữu hiệu trong khu vực sản xuất. Nhà xưởng được thông thoáng bằng quạt công nghiệp như quạt đứng, quạt hút, nhà xưởng có bố trí các cửa ra vào và cửa thông thoáng hợp lý.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại công đoạn cắt laser nhằm hạn chế thấp nhất đến sức khỏe người lao động.

- Sau mỗi ca làm việc, công nhân tiến hành quét dọn và vệ sinh khu vực xưởng trước khi giao ca.

- Thực hiện nghiêm túc chế độ vận hành, sản xuất, chấp hành đúng quy trình công nghệ nhằm bảo đảm an toàn sản xuất, giảm thiểu chất thải và ô nhiễm tại khu vực nhà xưởng.

1.2. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: không.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

STT	Tên công trình xử lý ô nhiễm	Thời gian vận hành thử nghiệm	
		Bắt đầu	Kết thúc
1	Công trình xử lý khí thải từ máy cắt laser	Tháng 03/2024	Tháng 09/2024

- Tần suất giám sát: 3 mẫu đơn trong 3 ngày liên tiếp (tại thời điểm vận hành ổn định của Dự án).

- Vị trí và thông số giám sát khí thải:

STT	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Thông số giám sát
1	Tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý. Tọa độ (Theo hệ tọa độ VN:2000, kinh tuyến trục $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°): X=1125112; Y=547678.	Lưu lượng thải, Bụi tổng, CO, SO ₂ , NO _x

- Quy chuẩn so sánh: Quy chuẩn hiện hành QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, $Kp=1$; $Kv=1$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

3.2.1. Giảm thiểu bụi từ quá trình sản xuất (sản xuất miếng gòn, gòn thành phẩm; sản xuất trang phục và các mặt hàng dệt)

- Vị trí đặt dây chuyền sản xuất cách biệt với các khu vực sản xuất khác của dự án.

- Dây chuyền sản xuất tấm gòn khép kín nhằm hạn chế bụi phát tán ra môi trường.

- Hệ thống đánh toi (Máy đánh gòn): dự án sử dụng máy đánh gòn kín nhằm hạn chế tiêu hao nguyên liệu và đảm bảo không phát tán bụi gòn ra môi trường ảnh hưởng đến người lao động.

- Máy vô gòn, vô lông vũ: dự án sử dụng gòn thành phẩm (từ quá trình sản xuất gòn của dự án) và sử dụng lông vũ (đã được làm sạch) từ các đơn vị cung cấp nguyên liệu. Gòn thành phẩm hoặc lông vũ được cho vào thùng kín, công nhân sẽ sử dụng máy bơm (lắp đặt theo thùng chứa) để bơm gòn hoặc lông vũ vào sản phẩm. Quy trình vô gòn và vô lông vũ đảm bảo kín không phát tán bụi ra môi trường ảnh hưởng đến nguồn lao động.

- Thiết bị máy móc được kiểm tra, bảo trì thường xuyên sẽ hạn chế khả năng phát sinh và phát tán bụi (bảo dưỡng sau 3-4 tháng hoạt động).

- Trang bị các dụng cụ bảo hộ lao động theo quy định của ngành cho công nhân, giám sát việc sử dụng dụng cụ bảo hộ trong quá trình làm việc. Cung cấp đầy đủ thông tin về vệ sinh an toàn lao động cho công nhân.

3.2.2. Giảm thiểu mùi hôi (hơi keo) từ quá trình sản xuất tấm gòn

Dây chuyền sản xuất miếng gòn là dây chuyền vận hành tự động từ khâu nhập nguyên liệu gòn thô đến hệ thống đánh toi, sau đó được băng tải chuyển qua công đoạn kết sợi, tại công đoạn này có phun keo (phun sương) bằng vòi áp lực để kết dính gòn lại với nhau thành miếng gòn. Trong quá trình phun keo sẽ có phát sinh mùi keo, dự án sử dụng các biện pháp giảm thiểu như sau:

- Vị trí đặt dây chuyền sản xuất miếng gòn cách biệt với các khu vực sản xuất khác của dự án.

- Sử dụng dây chuyền sản xuất tự động từ khâu nhập nguyên liệu đến thành phẩm do đó cũng hạn chế mùi ảnh hưởng đến sức khỏe của người lao động.

- Xung quanh máy phun keo được che chắn nên phần nào hạn chế mùi keo phát tán ra môi trường.

- Dự án sử dụng keo nước (Acrylate Copolymer) là keo hữu cơ và keo trước khi sử dụng cũng được pha thêm với nước với tỉ lệ pha là 1:4 (1 keo, 4 nước), do đó mùi keo phát sinh tương đối thấp.

- Trang bị bảo hộ lao động như khẩu trang hoạt tính, mắt kính chuyên dùng, găng tay... cho công nhân làm việc tại công đoạn này.

- Khu vực nhà xưởng có bố trí hệ thống quạt hút nhằm tạo điều kiện thông thoát cho nhà xưởng.

- Chủ dự án có bố trí hệ thống làm mát nhà xưởng với nguyên lý hoạt động như sau: dùng Quạt hút công nghiệp kết hợp tấm làm mát cooling pad hay còn gọi là tấm trao đổi nhiệt sẽ tạo thành máy làm mát công nghiệp giúp giảm nhiệt từ 5°C tới 10°C. Dùng hệ thống bơm nước tuần hoàn để nước chảy từ đỉnh của màng nước qua các van lượn sóng đến phần dưới của tấm trao đổi nhiệt tạo thành tấm màng nước khi không khí xuyên qua màng nước trở thành khí lạnh (đi vào nhà xưởng), kết hợp với quạt hút công nghiệp ngược áp nhanh chóng đưa gió mát vào xưởng, làm giảm nhiệt độ từ 5~10°C một cách hiệu quả. Lượng nước sử dụng cho hệ thống làm mát cooling pad được tuần hoàn tái sử dụng, không thải bỏ.

3.2.3. Giảm thiểu khí thải từ máy phát điện dự phòng:

Để giảm thiểu ô nhiễm do bụi và khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng: chỉ sử dụng khi cúp điện và định kỳ bảo trì, bảo dưỡng máy phát điện dự phòng.

3.2.4. Giảm thiểu khí thải từ khu tập kết chất thải rắn sinh hoạt:

- Chủ dự án bố trí thùng chứa rác có nắp đậy để hạn chế mùi hôi từ quá trình phân hủy rác ra môi trường.

- Các chất thải dễ phân hủy sẽ được chứa trong bọc nilon kín, buộc kín miệng trước khi bỏ vào thùng rác.

- Lập bảng hướng dẫn phân loại rác dán trên thùng chứa rác để công nhân thực hiện phân loại theo đúng quy định.

- Hợp đồng với đơn vị thu gom rác tại địa phương để thu gom, vận chuyển về bãi rác tập trung để xử lý; Không để rác ứ đọng làm phát sinh mùi hôi gây ô nhiễm môi trường.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 345/GPMT-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2024
của UBND tỉnh Vĩnh Long)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:

- Hoạt động của các phương tiện giao thông (công ra vào).
- Tiếng ồn khu vực nhà xe tiền chế 1.
- Tiếng ồn khu vực nhà xe tiền chế 2.
- Tiếng ồn khu vực nhà xe tiền chế 3.
- Tiếng ồn khu vực nhà xe + Nhà ăn.
- Tiếng ồn khu vực máy phát điện (tại trạm biến áp 750KVA).
- Tiếng ồn khu vực máy phát điện (tại trạm biến áp 1.500KVA).
- Tiếng ồn khu vực nhà xưởng sản xuất 3.
- Tiếng ồn khu vực nhà xưởng sản xuất 4.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn: Tọa độ phát sinh tiếng ồn (Theo hệ tọa độ VN:2000, kinh tuyến trục $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

- Hoạt động của các phương tiện giao thông (công ra vào). Tọa độ: X =1125187, Y=547624.

- Tiếng ồn khu vực nhà xe tiền chế 1. Tọa độ: X=1125151, Y =547612.

- Tiếng ồn khu vực nhà xe tiền chế 2. Tọa độ: X=1125124, Y =547603.

- Tiếng ồn khu vực nhà xe tiền chế 3. Tọa độ: X=1125075, Y =547651.

- Tiếng ồn khu vực nhà xe + Nhà ăn. Tọa độ: X=1125254, Y =547698.

- Tiếng ồn khu vực máy phát điện (tại trạm biến áp 750KVA). Tọa độ: X=1125203, Y =547631.

- Tiếng ồn khu vực máy phát điện (tại trạm biến áp 1.500KVA). Tọa độ: X=1125100, Y =547596.

- Tiếng ồn khu vực nhà xưởng sản xuất 3. Tọa độ: X=1125129, Y =547648.

- Tiếng ồn khu vực nhà xưởng sản xuất 4. Tọa độ: X=112222, Y =547684.

3. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT), cụ thể như sau:

TT	Thời gian áp dụng	Giá trị giới hạn, dBA (Theo QCVN 26:2010/BTNMT, khu vực thông thường)
1	Từ 6 giờ đến 21 giờ	70
2	Từ 21 giờ đến 6 giờ	55

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Bố trí nhà xe gần công ra vào để hạn chế tiếng ồn.
- Xưởng sản xuất được xây dựng có vách tới mái, hạn chế hoạt động vào giờ nghỉ ngơi (từ 11 giờ đến 13 giờ).
- Xe ra vào dự án phải giảm tốc độ, không bóp còi và không nổ máy trong lúc lên xuống hàng.
- Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng các loại phương tiện giao thông và máy móc thiết bị của dự án. Không sử dụng phương tiện giao thông và máy móc thiết bị quá hạn sử dụng để giảm ồn.
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại khu vực ồn lớn: nút tai chống ồn,...

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 345/GPMT-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2024
của UBND tỉnh Vĩnh Long)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	150	16 01 06
2	Các các thiết bị điện có các linh kiện điện tử (bóng đèn led hư hỏng)	Rắn	5	16 01 13
3	Dầu động cơ, hợp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	22	17 02 03
4	Bao bì nhựa cứng thải (chai nhựa đựng hóa chất, thùng đựng hóa chất, thùng đựng keo,...)	Rắn	24	18 01 03
5	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau, rang tay dính dầu nhớt, dính keo)	Rắn	85	18 02 01
6	Hộp chứa mực in thải (loại có thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực)	Rắn	15	08 02 04
7	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	03	19 06 01
8	Chất thải lỏng lẫn chất kết dính và chất bịt kín (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất) (nước thải có lẫn chất kết dính, keo thừa không tái sử dụng từ hệ thống phun keo)	Lỏng	11.803	08 03 03
9	Chất thải lây nhiễm (bông gòn dính máu hoặc dịch sinh học cơ thể)	Rắn	5	13 01 01
10	Than hoạt tính (trong buồn hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	200	12 01 04
Tổng cộng		-	12.312	-

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Nguồn phát sinh	Khối lượng (kg/năm)
1	Vải vụn	72.281
2	Chi vụn	1.976
3	Lõi chì	4.940
4	Bao bì, carton	19.600

STT	Nguồn phát sinh	Khối lượng (kg/năm)
5	Bông gòn	606
Tổng cộng		103.645

1.3. *Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:* khoảng 1.200 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: 12 thùng nhựa có nắp đậy, thể tích từ 120-240 lít/thùng.

Đối với Dầu động cơ, hợp số và bôi trơn tổng hợp thải (dầu bôi trơn, nhớt thải bỏ) được chứa trong các phuy sắt thể tích 200 lít để bỏ trong khay cát chống tràn đổ.

Riêng đối với chất thải y tế lây nhiễm, Công ty quản lý theo quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT.

- Kho chứa chất thải nguy hại:

+ Diện tích kho: 74m²

+ Thiết kế, cấu tạo của kho: kết cấu chịu lực bê tông cốt thép, mái lợp tôn, vì kèo thép, nền bê tông.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: thu gom chứa trong bao nilông.

- Kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường:

+ Diện tích kho: 74 m².

+ Thiết kế, cấu tạo của kho: kết cấu chịu lực bê tông cốt thép, mái lợp tôn, vì kèo thép, nền bê tông M200.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: thùng nhựa có nắp đậy; Bố trí 05 thùng chứa loại thể tích 1.000 lít (tại điểm tập kết rác); Các vị trí hành lang, đường đi, sân,...: Bố trí 10 thùng chứa loại vừa thể tích 120 lít.

- Khu vực lưu chứa:

+ Diện tích khu vực lưu chứa (khu vực để thùng chứa rác): khoảng 10m².

+ Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: nền xi măng.

2.4. Giám sát chất thải rắn thông thường và CTNH

- *Chất thải rắn thông thường:* theo dõi, giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường vào nơi chứa; lưu giữ hợp đồng hoặc chứng từ hoặc giấy tờ có liên quan đến việc chuyển giao chất thải rắn thông thường cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

- *Chất thải nguy hại:* Chất thải nguy hại được phân định, phân loại trước khi đưa vào khu vực lưu trữ chất thải nguy hại; Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển

và xử lý chất thải nguy hại; Lưu giữ hợp đồng, liên chứng từ CTNH và quản lý CTNH theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: không.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:

- Lắp đặt hệ thống điện và dây dẫn phù hợp với vị trí thiết bị và công suất của thiết bị.

- Trang bị hộp nước vách tường, hồ chứa nước dự phòng PCCC thể tích 300m³, máy bơm nước PCCC đúng quy định, lập đội PCCC và đưa nhân viên tham dự các buổi tập huấn về PCCC do Phòng cảnh sát PCCC tổ chức.

- Đầu tư hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống cảnh báo tự động đảm bảo đúng quy định; thiết lập các hệ thống báo cháy, đèn hiệu và thông tin tốt, các phương tiện và thiết bị chữa cháy hiệu quả.

- Trang bị đầy đủ trang thiết bị sẵn sàng ứng phó với sự cố cháy nổ: cát chữa cháy, bình khí CO₂ và bình bột, các quả cầu chữa cháy tự động cho các khu vực như kho rác công nghiệp, rác nguy hại, kho hóa chất, nhà máy nén khí v..v để kịp thời ngăn chặn khi có đám cháy nhỏ phát sinh.

- Thường xuyên kiểm tra các trang thiết bị PCCC, đến niên hạn thay mới phải lập kế hoạch thay mới, tránh trường hợp khi có sự cố cháy nổ lại không sử dụng được.

- Bố trí kim thu sét cho mái của các kho, xưởng sản xuất để phòng, chống sét đánh.

- Lập nội quy, tiêu lệnh phòng chống cháy nổ và phổ biến cho toàn bộ công nhân viên của Dự án .

- Tập huấn đào tạo cho đội PCCC của công ty và diễn tập PCCC cho toàn bộ nhân viên trong công ty định kỳ 2 lần/năm.

- Có phương án PCCC và đội PCCC của công ty được phân công nhiệm vụ trách nhiệm khi có sự cố cháy nổ

- Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật và tuân thủ các quy định về PCCC của địa phương.

- Thực hiện các quy định hiện hành về Phòng cháy chữa cháy như: Thông tư 121/2020/TT-BCA ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

**Biện pháp ứng phó khi xảy ra sự cố cháy nổ:*

- Xác định tình huống, địa điểm xảy ra sự cố cháy nổ: Cần xác định nhanh địa điểm xảy ra cháy, nhanh chóng đưa ra giải pháp để chữa cháy, chống cháy.

- Báo động với mọi người xung quanh khi phát hiện sự cố cháy một cách nhanh nhất: Hô hoán thông báo cho mọi người hoặc nhấn nút chuông khẩn cấp của hệ thống báo cháy.

- Ngắt điện toàn khu vực bị cháy: Sử dụng các dụng cụ như kìm điện, ủng, găng tay cách điện để cắt cầu dao điện, ngắt aptomat toàn khu vực bị cháy. Bên cạnh đó di dời những vật dụng, hàng hóa, các chất dễ cháy ra nơi an toàn tạo khoảng cách tránh lây lan.

- Tiến hành dập lửa: Lực lượng chữa cháy tại Dự án và các lực lượng khác cần tiến hành ngay các công tác dập lửa. Sử dụng các dụng cụ như: bình chữa cháy, cát, nước để dập lửa. Tiếp tục báo ngay cho lực lượng Phòng cháy chữa cháy bằng cách gọi điện thoại đến số 114 nhờ hỗ trợ.

- Dọn dẹp: Sau khi ngọn lửa được dập tắt, điều động nhân công dọn dẹp sạch sẽ khu vực bị cháy, các chi tiết, thiết bị, máy móc bị hỏng cũng được tháo dỡ và vận chuyển ra khỏi khu vực.

- Báo cáo điều tra nguyên nhân và rút kinh nghiệm: Ngay sau khi phát hiện cháy, cần báo cáo ngay với cơ quan hữu quan để phối hợp trong công tác chữa cháy. Sau đó Công ty sẽ cùng với cơ quan hữu quan sẽ cùng tiến hành công tác điều tra xác định nguyên nhân và lập thành báo cáo gửi các bên có liên quan. Ngoài ra Công ty cũng sẽ tiến hành công tác đánh giá thiệt hại, xác định những hư hại và phần cần sửa chữa để có kế hoạch cụ thể khắc phục.

2. Nhiệt dư từ quá trình sản xuất:

- Xây dựng nhà xưởng thông thoáng với chiều cao theo tiêu chuẩn xây dựng quy định, đặc biệt quan tâm đến các giải pháp sử dụng hệ thống làm mát bằng quạt hút và hệ thống màng nước.

- Trang bị quạt công nghiệp để đảm bảo duy trì nhiệt độ ổn định trong nhà xưởng

- Xung quanh nhà xưởng được trồng cây xanh nhằm điều hòa vi khí hậu khu vực nhà máy và tạo cảnh quan cho công nhân làm việc.

3. Các biện pháp giảm thiểu khác:

Khi tiến hành bảo trì, bảo dưỡng các máy móc thiết bị, thực hiện công tác vệ sinh nhà xưởng hoặc diễn tập phòng cháy chữa cháy, chủ dự án sẽ báo cáo cho Công ty cổ phần Hòa Phú biết để có biện pháp phối hợp giảm thiểu ô nhiễm tránh trường hợp lượng nước này chảy vào hệ thống thoát nước mưa làm ảnh hưởng đến chất lượng nước tại các cửa xả nước mưa của KCN Hòa Phú.